

Vietnam Daily Review

Khởi đầu hưng phấn

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 7/9/2021		•	
Tuần 6/9-10/9/2021		•	
Tháng 9/2021		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Thị trường mở cửa đầu tuần với một phiên giao dịch khá là hưng phấn. Dòng tiền đầu tư lan tỏa vào thị trường khi có 16/19 nhóm ngành tăng điểm so với phiên trước. Các ngành củng cố đà tăng của thị trường là Viễn thông, Tài nguyên cơ bản, Công nghệ thông tin. Độ rộng thị trường duy trì trạng thái tích cực với thanh khoản tăng mạnh so với phiên trước cho thấy tâm lý giao dịch tích cực. Trong khi đó, khối ngoại bán duy trì xu hướng bán ròng trên cả 2 sàn HSX và HNX. Với xu hướng giao dịch phần khởi như trên, VN-Index nhiều khả năng sẽ quay trở lại vùng 1350 -1380 điểm trong các phiên giao dịch tới.

Hợp đồng tương lai: Các hợp đồng đều tăng theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua cho các hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 6/9/2021, phần lớn chứng khoán cơ sở đều tăng, trong khi chứng quyền có sự phân hóa về giá. Giá trị giao dịch tăng.

Phân tích kỹ thuật: HAX_Tín hiệu tích cực (Trang 2)

Điểm nhấn

- VN-Index **+11.74** điểm, đóng cửa **1346.39**. HNX-Index **+2.21** điểm, đóng cửa **345.63**.
- Kéo chỉ số tăng: **HP82G (+2.43)**; **VHM(+1.27)**; **GAS(+0.93)**; **VIC(+0.39)**; **TCB (+0.62)**
- Kéo chỉ số giảm: **GVR (-0.86)**; **MSN (-0.70)**; **VPB (-0.27)**; **SSI (-0.21)**; **DHG(-0.18)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **26,852 tỷ đồng**, **+28.4%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt 28,221 tỷ đồng.
- Biên độ dao động là 13.71 điểm. Thị trường có **300** mã tăng, 42 mã tham chiếu và **106** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-291.59** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VHM (-380.1 tỷ)**, **VNM (-76.7 tỷ)** và **MSN (-61.2 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-52.26** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long
longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa
khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung
trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

VN-INDEX **1346.39**
Giá trị: 26852.16 tỷ **11.74 (0.88%)**
Khối ngoại (ròng): -291.59 tỷ

HNX-INDEX **345.63**
Giá trị: 3112.89 tỷ **2.21 (0.64%)**
Khối ngoại (ròng): -52.56 tỷ

UPCOM-INDEX **94.66**
Giá trị: 2426 tỷ **0.65 (0.69%)**
Khối ngoại(ròng): 3.72 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	68.7	-0.81%
Giá vàng	1,825	-0.14%
Tỷ giá USD/VND	22,771	0.03%
Tỷ giá EUR/VND	27,017	-0.16%
Tỷ giá JPY/VND	20,724	0.10%
LS liên NH 1 tháng	1.2%	13.52%
LS TPCP 5 năm	0.8%	-6.51%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
MBB	89.9	VHM	380.1
HSG	45.5	VNM	76.7
VND	41.4	MSN	61.2
HPG	36.3	VIC	38.0
VCB	32.2	SSI	32.1
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 2
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 3
Thị trường phái sinh	Trang 4
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 5
Thống kê thị trường	Trang 6
Khuyến nghị dài hạn	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
Khuyến cáo sử dụng	Trang 9

Phân tích kỹ thuật
HAX_Tín hiệu tích cực

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ dương, MACD vượt lên đường tín hiệu
- Chỉ báo RSI: vùng trung lập, xu hướng tăng.

Nhận định: HAX đang hình thành xu hướng hồi phục từ ngưỡng đáy 19.5. Thanh khoản cổ phiếu vượt ngưỡng trung bình 20 phiên, đồng thuận với đà tăng giá cổ phiếu. Đồng thời, đường giá cổ phiếu đã vượt lên đường MA20, MA50 và sắp vượt dải mây Ichimoku; báo hiệu xu hướng tăng giá tích cực. Chỉ báo RSI và MACD đều đang ủng hộ xu hướng tăng giá này. Nhà đầu tư có thể mở vị thế quanh ngưỡng giá 23.15, chốt lãi khi cổ phiếu tiếp cận ngưỡng 27.5 và cắt lỗ nếu cổ phiếu mất ngưỡng hỗ trợ ngắn hạn 21.5.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

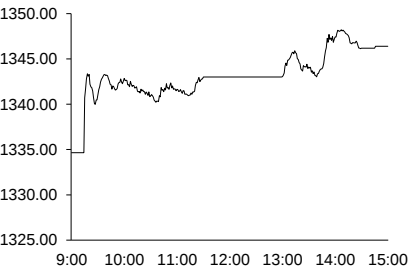
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Viễn thông	9.52%
Tài nguyên Cơ bản	4.22%
Công nghệ Thông tin	2.77%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	2.41%
Truyền thông	1.95%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	1.54%
Bán lẻ	1.34%
Hàng cá nhân & Gia dụng	1.22%
Du lịch và Giải trí	1.22%
Dịch vụ tài chính	1.21%
Xây dựng và Vật liệu	1.08%
Bất động sản	1.02%
Dầu khí	0.82%
Ô tô và phụ tùng	0.73%
Ngân hàng	0.44%
Thực phẩm và đồ uống	-0.09%
Bảo hiểm	-0.68%
Hóa chất	-1.45%
Y tế	-2.15%

Hình 1

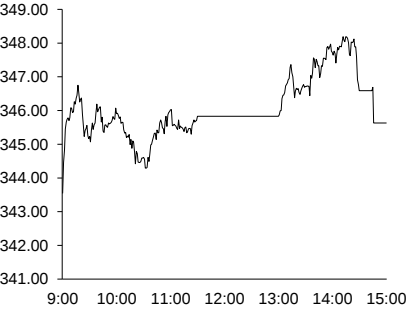
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

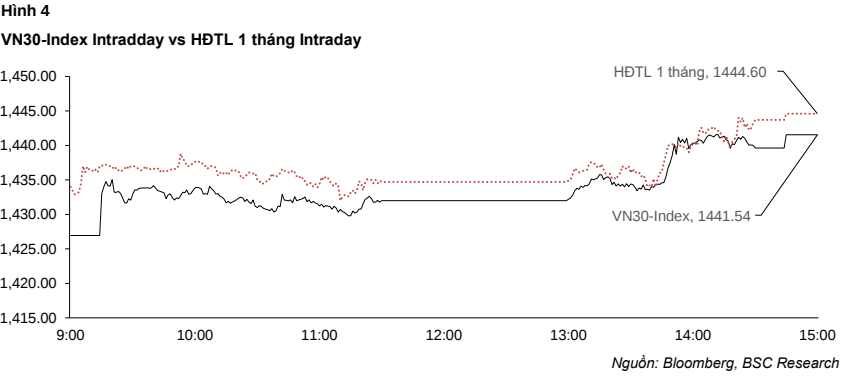
Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
1/9/2021	PHP	33.2	40.5	27	34.4	5	3.61%	Có thể tiếp tục mua
31/8/21	PVS	25.9	32	24.5	26.6	6	2.70%	Có thể tiếp tục mua
30/8/21	APH	53.7	67	47	55.2	7	2.79%	Có thể tiếp tục mua
27/8/21	HBC	14.5	17	13.5	16.25	10	12.07%	Có thể tiếp tục mua
26/8/21	VTO	10.15	12	9.3	11.6	11	14.29%	Cần nhắc không mua thêm (**)
25/8/21	POW	11.25	13.5	10.5	12.4	12	10.22%	Có thể tiếp tục mua
23/8/21	NRC	20.2	24	17.5	20.9	14	3.47%	Có thể tiếp tục mua
19/8/21	SCI	34.4	45	30	36.5	18	6.10%	Có thể tiếp tục mua
17/8/21	POM	15.9	20	14	17.4	20	9.43%	Có thể giữ nguyên vị thế
12/8/2021	FCN	13.35	17	12.15	14.8	25	10.86%	Có thể tiếp tục mua
5/8/2021	DRC	33.1	38	30	36.25	32	9.52%	Có thể tiếp tục mua
14/7/21	ACV	75	84	72	77	54	2.67%	Có thể giữ nguyên vị thế
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt				(**) Tiệm cận giá mục tiêu		

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
24/8/21	BMC	17.65	20	16	TP	6	13.31%
20/8/21	NT2	19.4	22	19	SL	5	-2.06%
18/8/21	HAX	23.1	27	21	SL	6	-9.09%
16/8/21	FRT	42	54	38.5	SL	7	-8.33%
13/8/21	DBC	58	65.5	56.5	SL	12	-2.59%
11/8/2021	VGI	32.7	38	30.5	SL	9	-6.73%
10/8/2021	PVD	19.6	23.5	17.5	SL	13	-10.71%
9/8/2021	PVT	20.05	23.5	18.5	TP	7	17.21%
6/8/2021	KSB	26.1	31.5	24	TP	14	20.69%
4/8/2021	PLX	52.3	58	50	SL	16	-4.40%
3/8/2021	MBS	29.9	36	28.5	TP	14	20.40%
2/8/2021	TNG	22.1	27	20	TP	14	22.17%
30/7/21	BCC	10.8	13	10	TP	11	20.37%
29/7/21	CTG	33.9	40	32	SL	27	-5.60%
28/7/21	OCB	23.6	26	22.4	SL	27	-5.08%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ		FS - Đóng vị thế sớm	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Nắm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	12	0	7.31%	0.00%	7.31%	18
Cổ phiếu đã chốt	181	118	14.01%	-7.73%	5.43%	26

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2109	1444.60	1.12%	3.06	-31.3%	146,220	9/16/2021	12
VN30F2110	1441.90	1.04%	0.36	20.0%	348	10/21/2021	47
VN30F2112	1442.00	0.95%	0.46	-48.8%	21	12/16/2021	103
VN30F2203	1441.00	0.94%	-0.54	28.0%	32	3/17/2022	194

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index tăng +14.60 điểm lên 1441.54 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như HPG, FPT, TCB, VHM, VIC tác động mạnh đến vận động tăng của VN30. VN30 giành phần lớn thời gian giao dịch giằng co quanh 1430-1435 điểm, trước khi tăng tích cực cuối phiên lên quanh 1440 điểm. VN30 có thể vận động tăng trong những phiên tiếp theo.
- Các hợp đồng đều tăng theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, VN30F2109 và VN30F2112 đnag giảm, trong khi VN30F2110 và VN30F2203 đang tăng. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F2110, các hợp đồng đều giảm. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua cho các hợp đồng ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CVHM2107	1/6/2022	122	5:1	493,300	35.24%	3,900	3,700	25.42%	1,771	2.09	129,500	110,000	108,400
CPNJ2105	1/6/2022	122	5:1	293,200	29.31%	3,300	1,770	20.41%	641	2.76	26,000	9,500	86,500
CHPG2111	1/6/2022	122	5:1	2,906,900	38.08%	1,700	2,350	13.53%	1,315	1.79	56,500	48,000	51,200
CHPG2110	12/6/2021	91	5:1	649,300	38.08%	2,400	2,800	7.69%	1,737	1.61	56,000	44,000	51,200
CKDH2103	12/2/2021	87	10:1	358,800	34.49%	1,200	800	6.67%	66	12.19	60,779	48,779	40,950
CVRE2106	1/6/2022	122	2:1	571,000	39.23%	2,300	1,930	6.63%	1,396	1.38	39,500	28,000	28,100
CFPT2103	1/7/2022	123	5:1	347,100	32.59%	3,000	2,700	6.30%	1,132	2.38	115,000	100,000	94,900
CFPT2105	1/6/2022	122	4.95:1	655,100	32.59%	3,500	4,000	5.26%	2,766	1.45	103,500	86,000	94,900
CVIC2105	1/6/2022	122	4.44:1	542,800	33.68%	3,250	1,840	5.14%	1,946	0.95	136,250	120,000	95,000
CMSN2104	5/4/2022	240	10:1	333,700	38.95%	5,200	4,100	3.27%	2,517	1.63	0	0	131,100
CTCB2101	10/5/2021	29	1:1	45,300	41.08%	5,000	19,700	3.14%	18,067	1.09	36,000	31,000	48,950
CFPT2104	12/6/2021	91	9.89:1	156,300	32.59%	3,000	2,820	1.08%	1,767	1.60	110,000	80,000	94,900
CTCB2105	5/4/2022	240	5:1	172,500	41.08%	3,600	3,300	0.92%	1,830	1.80	63,000	45,000	48,950
CMWG2107	1/6/2022	122	5:1	282,600	34.91%	6,600	4,390	0.00%	62	70.84	198,000	165,000	111,000
CVNM2108	12/6/2021	91	10:1	262,200	26.07%	2,100	1,980	0.00%	1,044	1.90	101,000	80,000	88,300
CSTB2106	12/2/2021	87	10:1	280,700	46.68%	1,500	1,030	-0.96%	50	20.59	50,678	35,678	27,550
CMBB2103	1/7/2022	123	1.48:1	172,800	39.62%	3,000	2,610	-1.14%	548	4.76	53,000	47,000	28,300
CMWG2104	3/22/2022	197	10:1	70,300	34.91%	2,400	5,250	-1.87%	469	11.20	159,000	135,000	111,000
CNVL2102	9/27/2021	21	16:1	332,100	35.76%	1,100	1,270	-2.31%	2	622.55	107,608	94,636	104,800
CMSN2105	1/6/2022	122	5:1	334,600	38.95%	5,000	3,920	-5.31%	2,852	1.37	153,000	128,000	131,100
Tổng				8,767,300	36.09%**								
Chú thích:				Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất						CR: Tỷ lệ chuyển đổi			
				Lãi suất phi rủi ro là 4.75%						Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn			
				**Trung bình độ lệch chuẩn						*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes			

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 6/9/2021, phần lớn chứng khoán cơ sở đều tăng, trong khi chứng quyền có sự phân hóa về giá. Giá trị giao dịch tăng.
- CHPG2109 và CVHM2107 tăng mạnh lần lượt là 36.52% và 25.42%. Trái lại, CMSN2102 giảm mạnh -13.29%. Giá trị giao dịch tăng 12.96%. CHPG2111 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 22.13% thị trường.
- CVIC2105, CSTB2101, CMSN2101, CTCB2101, và CMSN2102 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CHPG2101, CNVL2101, và CTCB2101 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CTCB2101, CSTB2101, và CFPT2105 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	111.0	0.7%	0.9	3,441	5.4	6,428	17.3	4.3	49.0%	27.3%
PNJ	Bán lẻ	86.5	1.4%	1.0	855	2.7	5,812	14.9	3.4	48.6%	25.3%
BVH	Bảo hiểm	56.4	-0.7%	1.4	1,820	2.1	2,522	22.4	2.0	27.0%	9.2%
PVI	Bảo hiểm	45.3	-1.5%	0.5	440	0.1	3,491	13.0	1.4	55.0%	10.8%
VIC	Bất động sản	95.0	1.0%	0.7	15,717	8.0	1,767	53.8	4.0	14.8%	7.7%
VRE	Bất động sản	28.1	0.7%	1.1	2,776	3.5	1,195	23.5	2.1	29.7%	9.3%
VHM	Bất động sản	108.4	1.3%	1.0	15,786	61.0	10,029	10.8	3.7	23.5%	40.2%
DXG	Bất động sản	22.9	3.6%	1.3	516	8.6	1,586		1.4	28.4%	11.0%
SSI	Chứng khoán	60.0	-2.0%	1.5	1,708	44.9	2,817	21.3	3.5	47.0%	16.5%
VCI	Chứng khoán	61.3	1.8%	1.0	888	16.2	4,384	14.0	3.8	19.8%	25.4%
HCM	Chứng khoán	55.6	1.3%	1.6	737	11.4	2,899	19.2	3.5	47.9%	19.4%
FPT	Công nghệ	94.9	2.7%	0.9	3,744	12.7	4,234	22.4	5.1	49.0%	24.1%
FOX	Công nghệ	85.5	-0.6%	0.4	1,221	0.1	4,304	19.9	5.9	0.0%	30.0%
GAS	Dầu khí	90.4	2.0%	1.3	7,523	3.4	4,077	22.2	3.7	2.5%	16.2%
PLX	Dầu khí	51.1	0.6%	1.5	2,763	3.1	3,216	15.9	2.6	17.7%	17.9%
PVS	Dầu khí	26.6	1.9%	1.7	553	12.8	1,160	22.9	1.0	7.4%	4.5%
BSR	Dầu khí	18.6	1.6%	0.8	2,507	7.7	(909)		1.9	41.1%	-8.7%
DHG	Dược	105.0	-4.5%	0.3	597	0.5	5,761	18.2	4.0	54.5%	22.8%
DPM	Hóa chất	36.6	-2.4%	0.8	623	11.2	2,903	12.6	1.7	11.2%	13.6%
DCM	Hóa chất	25.4	-2.3%	0.7	585	4.7	1,169	21.7	2.0	2.3%	9.4%
VCB	Ngân hàng	100.0	0.6%	1.1	16,126	3.9	5,534	18.1	3.5	23.5%	21.1%
BID	Ngân hàng	39.1	0.3%	1.3	6,837	2.3	2,464	15.9	1.9	16.7%	12.6%
CTG	Ngân hàng	32.1	0.0%	1.4	6,697	16.1	3,417	9.4	1.7	24.4%	19.0%
VPB	Ngân hàng	61.1	-0.7%	1.2	6,561	12.3	5,052	12.1	2.5	15.4%	23.0%
MBB	Ngân hàng	28.3	1.4%	1.2	4,649	21.1	2,764	10.2	2.0	22.5%	21.5%
ACB	Ngân hàng	32.1	0.2%	1.0	3,765	10.3	3,589	8.9	2.1	30.0%	27.2%
BMP	Nhựa	55.7	2.2%	0.7	198	0.3	4,762	11.7	2.0	84.0%	16.4%
NTP	Nhựa	51.6	0.0%	0.4	264	0.2	4,085	12.6	2.2	18.8%	18.3%
MSR	Tài nguyên	22.9	3.6%	0.7	1,094	2.1	39	587.2	1.8	10.1%	0.3%
HPG	Thép	51.2	4.1%	1.1	9,957	105.6	5,616	9.1	3.1	26.3%	39.8%
HSG	Thép	42.9	7.0%	1.4	911	40.7	7,745	5.5	2.1	10.9%	47.9%
VNM	Tiêu dùng	88.3	0.2%	0.6	8,024	12.4	4,572	19.3	5.8	54.9%	30.9%
SAB	Tiêu dùng	149.2	0.3%	0.8	4,160	0.8	7,293	20.5	4.6	62.6%	24.3%
MSN	Tiêu dùng	131.1	-1.7%	0.9	6,729	8.8	1,787	73.4	7.3	33.1%	9.4%
SBT	Tiêu dùng	23.6	4.0%	1.2	633	9.6	1,070	22.1	1.9	8.8%	8.5%
ACV	Vận tải	77.0	-0.6%	0.8	7,288	0.4	577	133.4	4.5	3.7%	3.4%
VJC	Vận tải	125.7	0.2%	1.1	2,960	5.5	290		4.0	17.7%	1.0%
HVN	Vận tải	21.6	2.9%	1.7	2,078	1.0	(7,644)		N/A	N/A	-155.4%
GMD	Vận tải	52.7	-0.6%	1.0	691	9.5	1,357	38.8	2.6	40.6%	6.7%
PVT	Vận tải	24.9	6.9%	1.4	350	11.3	2,340	10.6	1.7	14.1%	16.3%
VCS	Vật liệu xây dựng	118.3	-2.6%	0.9	823	3.6	9,519	12.4	4.5	3.8%	44.7%
VGC	Vật liệu xây dựng	38.0	3.0%	0.4	741	4.1	2,098	18.1	2.7	5.1%	14.4%
HT1	Vật liệu xây dựng	21.8	-3.1%	0.9	362	4.4	1,653	13.2	1.5	3.1%	11.3%
CTD	Xây dựng	71.0	1.4%	1.0	228	1.5	2,005	35.4	0.6	44.0%	1.8%
CII	Xây dựng	19.5	6.9%	0.6	202	8.5	69	281.5	1.0	22.4%	0.3%
REE	Điện	66.2	-0.5%	-1.4	890	3.4	5,807	11.4	1.7	49.0%	15.8%
PC1	Điện	35.3	-1.5%	-0.4	293	4.6	3,445	10.2	1.5	8.6%	17.5%
POW	Điện	12.4	-0.4%	0.6	1,263	7.9	1,079	11.5	1.0	3.1%	8.7%
NT2	Điện	22.0	0.2%	0.5	275	1.5	1,093	20.1	1.5	13.5%	7.3%
KBC	Khu công nghiệp	41.8	-1.6%	1.1	854	24.7	1,794	23.3	1.9	18.6%	8.5%
BCM	Khu công nghiệp	48.5	1%	1.0	2,183	0.4			3.2	2.0%	

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HPG	51.20	4.07	2.43	48.10MLN
VHM	108.40	1.31	1.27	13.08MLN
GAS	90.40	2.03	0.93	868100
VIC	95.00	0.96	0.83	1.93MLN
TCB	48.95	1.35	0.62	12.88MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
GVR	0.00	-0.87	6.79MLN	1.11MLN
MSN	0.00	-0.70	1.52MLN	607060
VPB	0.00	-0.27	4.63MLN	373600
SSI	0.00	-0.21	17.07MLN	192700
DHG	0.00	-0.18	110400	611640

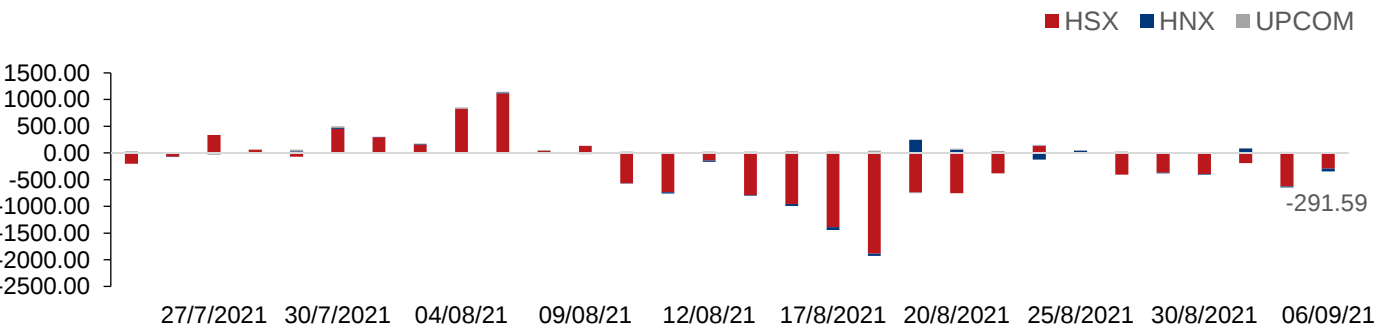
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SMC	53.50	7.00	0.06	1.79MLN
TLH	21.40	7.00	0.04	5.57MLN
HSG	42.85	6.99	0.37	22.29MLN
GMC	29.85	6.99	0.02	12100
VIP	8.88	6.99	0.01	2.30MLN

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TIX	32.10	-6.96	-0.02	5700
PHC	24.20	-6.92	-0.01	915900
VSI	24.20	-6.92	-0.01	5400.00
VMD	76.70	-6.92	-0.02	155100
DAH	10.95	-6.81	-0.01	930700

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	ACB	Ngân hàng	Mua	25/2/21	31.7	41.5	32.1	3,589	8.9	2.1	Click
2	ACV	Vận tải	Mua	13/11/20	68.2	87.6	77.0	577	133.4	4.5	Click
3	AGG	Bất động sản	Mua	19/5/21	47.2	62.1					Click
4	ANV	Thủy sản	Mua	27/6/21	32.4	38.7	34.0	1,686	20.2	1.8	Click
5	C4G	Xây dựng	Mua	14/12/20	10.2	12.9	12.1	600	20.2	1.1	Click
6	CEO	Bất động sản	Theo dõi	7/6/21	10.8	12.5	10.1	-411		0.9	Click
7	CSV	Hóa chất	Theo dõi	22/3/21	32.8	40.0	46.1	3,949	11.7	1.9	Click
8	CTG	Ngân hàng	Mua	25/2/21	37.1	49.4	32.1	3,417	9.4	1.7	Click
9	DCM	Phân bón	Mua	4/1/21	17.5	21.1	25.4	1168.9	21.7	2.0	Click
10	DGC	Hóa chất	Mua	27/7/21	72.8	96.5	116.0	5,868	19.8	4.4	Click
11	DGW	Bán lẻ	Mua	25/2/21	92.1	110.3	91.2	4,602	19.8	5.8	Click
12	DPG	Bất động sản	Theo dõi	10/6/21	39.3	N/a	42.7	4,905	8.7	2.3	Click
13	DPM	Hóa chất	Mua	11/3/21	19.1	23.0	36.6	2,903	12.6	1.7	Click
14	DRC	Săm lốp	Mua	18/5/21	26.2	32.8	36.3	2,868	12.6	2.5	Click
15	DXG	Bất động sản	Mua	11/5/21	23.4	30.2	22.9	1,586		1.4	Click
16	ELC	Viễn thông	Mua	27/8/20	14.5	18.8	20.4	717	28.5	1.2	Click
17	FPT	Viễn thông	Mua	11/3/21	76.7	86.0	94.9	4,234	22.4	5.1	Click
18	GLT	CNTT	Theo dõi	18/9/20	33.0	N/a	34.0	3,617	9.4	2.7	Click
19	GVR	Khu công nghiệp	Mua	9/12/20	20.1	23.6	39.3	1,180	33.3	3.2	Click
20	HPG	VLXD	Mua	25/5/21	65.4	76.5	51.2	5,616	9.1	3.1	Click
21	HSG	VLXD	Mua	14/5/21	37.4	47.8	42.9	7,745	5.5	2.1	Click
22	HT1	VLXD	Mua	19/11/20	17.4	19.8	21.8	1,653	13.2	1.5	Click
23	HUT	Xây dựng	Theo dõi	21/5/21	6.5	7.6	9.3	-1,169		0.9	Click
24	KDH	Bất động sản	Mua	11/5/21	36.8	42.1	41.0	1,966	20.8	3.0	Click
25	LHG	Bất động sản	Theo dõi	22/7/21	49.2	55.7	49.9	6,776	7.4	1.8	Click
26	LPB	Ngân hàng	Mua	11/11/20	11.8	14.5	22.9			1.8	Click
27	MSH	Dệt may	Mua	13/5/21	50.6	66.4	79.2	6,547	12.1	2.8	Click
28	MWG	Bán lẻ	Mua	28/12/20	117.3	168.8	111.0	6,428	17.3	4.3	Click
29	NLG	Bất động sản	Mua	21/5/21	36.9	44.6	45.7	3,926	11.6	2.0	Click
30	PC1	Điện	Mua	7/6/21	26.8	32.8	35.3	3,445	10.2	1.5	Click
31	PLC	Dầu khí	Mua	11/11/20	24.5	34.7	39.6	2,380	16.6	2.4	Click
32	PNJ	Tiêu dùng	Mua	2/3/21	84.7	100.4	86.5	5,812	14.9	3.4	Click
33	POW	Điện	Theo dõi	18/5/21	12.0	13.8	12.4	1,079	11.5	1.0	Click
34	PRE	Bảo hiểm	Mua	25/12/20	19.9	22.0					Click
35	PVD	Dầu khí	Mua	5/3/21	25.3	29.6	19.3	0	874.2	0.6	Click
36	PVS	Dầu khí	Mua	18/11/20	15.6	18.3	26.6	1,160	22.9	1.0	Click
37	SBT	Đường	Mua	26/3/21	22.7	27.6	23.6	1,070	22.1	1.9	Click
38	SGP	Cảng biển	Mua	13/7/21	21.1	25.0	39.5	1,064	37.1	4.0	Click
39	SMC	VLXD	Mua	13/5/21	39.6	48.6	53.5	15635.6	3.4	1.5	Click
40	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	39.8	52.0	49.0	4,613	10.6	2.1	Click
41	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	100.0	131.8	100.0	5,534	18.1	3.5	Click
42	VGI	Dệt may	Theo dõi	21/5/21	16.8	19.0	21.4	570	37.5	1.7	Click
43	VHC	Thủy sản	Mua	25/5/21	39.4	47.0	51.4	4,035	12.7	1.7	Click
44	VHM	Bất động sản	Mua	30/11/20	82.6	102.4	108.4	10,029	10.8	3.7	Click
45	VPB	Ngân hàng	Mua	29/12/20	33.0	40.0	61.1	5,052	12.1	2.5	Click
46	VRE	Bất động sản	Mua	19/10/20	27.6	36.7	28.1	1,195	23.5	2.1	Click
47	VTP	Viễn thông	Theo dõi	28/4/21	80.5	87.1	83.5	3,256	25.6	7.2	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
2	Covid làn sóng thứ 4	x		Click
3	Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
4	Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
5	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
6	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
7	Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
8	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
9	Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
10	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
11	Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
12	Banking Sector Outlook		x	Click
13	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
14	Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
15	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
16	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
17	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
18	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
19	Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
20	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
21	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click
22	Triển vọng ngành Bất động sản 2021		x	Click
23	Luật VAT Sửa đổi cho ngành phân bón		x	Click
24	Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
25	Bầu cử Hoa Kỳ 2020	x		Click
26	Fishery Outlook 2021		x	Click
27	Cơ hội thu hút dòng tiền của Việt Nam sau MSCI Review	x		Click
28	Báo cáo Triển vọng ngành thép 2020		x	Click
29	Vĩ mô Thị trường quý 3.2020	x		Click
30	Vĩ Mô Thị trường tháng 8.2020	x		Click
31	Chemical sector Outlook 2H.2020		x	Click
32	Banking sector Outlook 2H.2020		x	Click
33	BSC_Covid làn sóng thứ 2 (Cập nhật lần 4)	x		Click
34	BSC_Vietnam Sector Outlook_3Q2020		x	Click
35	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 7.2020	x		Click
36	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	x		Click
37	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	x		Click
38	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	x		Click
39	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020		x	Click
40	BSC Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	x		Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639